

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2025/DS-ST

Ngày: 08 - 4 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Liên và bà Nguyễn Thị Bạ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Hoàng Phương Loan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 08/4/2025, tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 999/2024/TLST-DS ngày 29/11/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2025/QĐXXST-DS ngày 03/3/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc Thùy T, sinh năm 1971 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Buôn J, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân Q (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 29 L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 11, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 28/08/2024 bà Nguyễn Ngọc Thùy T cho bà Lê Thị H vay số tiền 200.000.000 đồng. Khi vay, hai bên giao kết Hợp đồng cho vay tiền ghi cùng ngày, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng Công chứng Đ, tỉnh Đắk Lắk. Tại hợp đồng cho vay tiền, các bên thỏa thuận thời hạn vay là 05 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất các bên tự thỏa thuận. Bà Lê Thị H đã nhận đủ số tiền vay nêu trên của bà T thông qua hình thức chuyển khoản.

Đến thời hạn trả nợ, bà T đã nhiều lần thông báo nhưng bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Lê Thị H phải trả cho bà Nguyễn Ngọc Thùy T số tiền 200.000.000

đồng nợ gốc, không yêu cầu tính lãi suất.

2. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/12/2024, bị đơn trình bày:

Bà Lê Thị H và bà Nguyễn Ngọc Thùy T có mối quan hệ quen biết. Ngày 28/8/2024, bà H có vay của bà T số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 05 ngày kể từ ngày vay, các nội dung thỏa thuận vay tiền theo như hợp đồng vay mà phía nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án. Bị đơn xác định chữ ký tại Hợp đồng cho vay tiền ghi ngày 28/8/2024 là của bà Lê Thị H.

Về lãi suất, tại hợp đồng nêu trên ghi các bên tự thỏa thuận về lãi suất, tuy nhiên, bà H xác định sau khi vay đã thanh toán (thông qua chuyển khoản) cho bà T số tiền lãi khoảng 20.000.000 đồng, bà H không xác định được mức lãi suất cụ thể là bao nhiêu. Mục đích bà Lê Thị H vay tiền để kinh doanh, do việc làm ăn không thuận lợi nên bà H chưa trả được khoản nợ gốc nào.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà H đồng ý trả cho bà T số nợ gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án khấu trừ số tiền 20.000.000 đồng mà bà H đã trả vào nợ gốc, tiền lãi.

Sau khi có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Lê Thị H không tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do; đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lê Thị H phải trả cho bà Nguyễn Ngọc Thùy T số tiền 200.000.000 đồng nợ gốc; các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị H (trú tại xã H, thành phố B) trả số tiền vay 200.000.000 đồng, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt đầy đủ, hợp lệ văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà Lê Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng

vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận vào ngày 28/8/2024 bà Lê Thị H có vay của bà Nguyễn Ngọc Thùy T số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 05 ngày kể từ ngày 28/8/2024. Khi vay, các bên có xác lập Hợp đồng cho vay tiền ghi cùng ngày, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng Công chứng Đ.

Tại hợp đồng vay tiền thể hiện lãi suất do các bên tự thỏa thuận, nguyên đơn cho rằng hợp đồng vay tiền không có lãi, trong khi đó bị đơn xác định hợp đồng vay có lãi và đã thanh toán cho bà T số tiền lãi 20.000.000 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định các bên đã xác lập hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi theo khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự, các bên có tranh chấp về phần lãi suất. Sau khi kết thúc thời hạn vay, bị đơn chưa thanh toán được khoản nợ gốc nào là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lê Thị H phải trả cho bà Nguyễn Ngọc Thùy T số tiền 200.000.000 đồng nợ gốc, đối với tiền lãi do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Đối với ý kiến của bị đơn cho rằng sau khi vay đã trả cho bà T số tiền lãi là 20.000.000 đồng, tuy nhiên bị đơn không giao nộp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh, đồng thời lời trình bày của bị đơn không được phía nguyên đơn thừa nhận nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Thùy T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể: $(200.000.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 10.000.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 463, 466 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Thùy T.

Buộc bà Lê Thị H phải trả cho bà Nguyễn Ngọc Thùy T số tiền 200.000.000 đồng nợ gốc.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy

định của pháp luật; trường hợp không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Thùy T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2023/0012715 ngày 12/11/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn bà Lê Thị H phải chịu 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp BMT;
- Chi cục THADS Tp B;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng